TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 5 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hải Âu

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Hồng T, sinh năm 1975. Cư trú tại: Khóm X, thị trấn Y, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Lữ Văn An, sinh năm 1981. Cư trú tại: Khóm X, thị trấn Y, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của chị Lê Hồng T thể hiện*:

Chị và anh Lữ Văn A chung sống năm 2001, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay chị T xét thấy không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con: Gồm Lữ Thị Minh A và Lữ Thị Mỹ A. Khi ly hôn, chị đồng ý giao các cháu cho anh A nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

** Tại đơn từ chối tham gia giải quyết vụ án của anh Lữ Văn A thể hiện*: Anh đồng ý với các yêu cầu của chị T và không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Hồng T và anh Lữ Văn A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Chị T và anh A chung sống năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Do vậy, các đương sự xác định không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn với nhau.

Xét việc đồng ý ly hôn với nhau của các đương sự thấy rằng: Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng..."*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không công nhận đồng ý ly hôn giữa các đương sự mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự này là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Các đương sự thỏa thuận giao Lữ Thị Minh A và Lữ Thị Mỹ A cho anh A nuôi dưỡng.

Tại biên bản ghi ý kiến đối với Minh A và của Mỹ A thể hiện: Các cháu đều có nguyện vọng sống chung cùng với anh A.

Xét việc thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn giữa các đương sự phù hợp với nguyện vọng của các cháu và không trái pháp luật nên được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh A không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Hồng T và anh Lữ Văn A.

2. Về con chung: Giao Lữ Thị Minh A và Lữ Thị Mỹ A cho anh A nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009306 ngày 09/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn